

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIỄN CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 198/2021/HS-ST

Ngày: 08-10-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Đoàn Thị Kiều Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Anh và Ông Nguyễn Văn Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 206/2021/HSST, ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Đình T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 24/5/1998; Nơi sinh: huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: xóm B, xã DB, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Vũ Đình N, sinh năm: 1972; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Vợ: Trần Thị K, sinh năm 2000; Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị can bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 20/5/2021 đến ngày 29/5/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

✓ Chị Hồ Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: khối n, thị trấn D, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

✓ Chị Cao Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ cư trú: xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

✓ Bà Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: thôn x, xã K, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

✓ Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: xóm Q, xã B, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

✓ Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ cư trú: xóm N, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

✓ Anh Trần Văn H, sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: xóm H, xã B, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

**\* Người làm chứng:** Chị Trần Thị K, sinh năm 2001

Địa chỉ cư trú: xóm H, xã B, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

(đều vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 5/2021, Vũ Đình T đã sử dụng tiền riêng của mình để thực hiện hành vi cho các cá nhân vay với các mức lãi suất 5000đ/triệu/ngày, tương đương với 182,5%/năm; 8000đ/triệu/ngày, tương đương 292%/năm; Trong đó mức lãi suất hợp pháp do các bên tự thỏa thuận quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự không được vượt quá 20%/năm (tương đương 1,666666%/tháng, tương đương 0,0548%/ngày).

Các giao dịch được thực hiện bằng các cách thức: người vay sẽ trực tiếp liên hệ với bị cáo thông qua các số điện thoại 0869.273.345, sau đó người vay sẽ gặp bị cáo và nhận tiền mặt. Quá trình thu tiền nợ (gốc, lãi), T thuê Trần Văn H (sinh năm 1996, địa chỉ cư trú: xóm H, xã B, huyện Diễn Châu) trực tiếp đi thu tiền gốc (tiền mặt) theo hình thức trả góp từ những người vay. Cụ thể như sau:

**1. Cho chị Hồ Thị H, sinh năm 1987, trú tại khối n, thị trấn D, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An vay 07 lần; lãi suất 5000đồng/triệu/ngày.**

- **Lần 1:** Ngày 10/7/2020 chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 2:** Ngày 10/8/2020, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 3:** Ngày 10/9/2020, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 4:** Ngày 15/11/2020, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 5:** Ngày 15/02/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu

lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 6:** Ngày 15/3/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 7:** Ngày 15/4/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả cho T tiền gốc: 1.750.000 đồng, còn nợ: 8.250.000 đồng.

Như vậy, tổng cả 07 lần giao dịch với chị H, Vũ Đình T đã thu tổng tiền lãi là 14.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.534.400 đồng; thu lợi bất chính là: 12.465.600 đồng. Chị H còn nợ tiền gốc: 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

**2. Cho chị Cao Thị L (sinh năm 1989, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An) vay 5 lần, lãi suất 5000đồng/triệu/ngày.**

- **Lần 1:** Ngày 10/8/2020 chị L vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận: 5000 đồng/triệu/ngày. T đã thu tiền lãi trong 40 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị L đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 2:** Ngày 02/10/2020, chị L vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận: 5000 đồng/triệu/ngày. T đã thu tiền lãi trong 40 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị L đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 3:** Ngày 12/12/2020, chị L vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận: 5000 đồng/triệu/ngày. T đã thu tiền lãi trong 40 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị L đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 4:** Ngày 04/3/2021, chị L vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận: 5000 đồng/triệu/ngày. T đã thu tiền lãi trong 40 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị L đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 5:** Ngày 14/4/2021, chị L vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận: 5000 đồng/triệu/ngày. T đã thu tiền lãi trong 40 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị L đã trả hết tiền gốc.

x 40 ngày) = 219.200 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị L đã trả hết tiền gốc.

Như vậy, tổng cả 05 lần giao dịch với chị L, Vũ Đình T đã thu tổng tiền lãi là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.096.000 đồng; thu lợi bất chính là: 8.904.000 đồng. Chị L đã trả hết tiền gốc.

**3. Cho chị Hồ Thị Ngọc H (sinh năm 1974, trú tại thôn x, xã K, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An) vay 07 lần; lãi suất 5000đồng/triệu/ngày**

- **Lần 1:** Ngày 15/11/2020 chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị Hp trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 2:** Ngày 03/01/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 3:** Ngày 03/02/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 4:** Ngày 03/3/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 5:** Ngày 10/4/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho Tg mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- **Lần 6:** Ngày 22/4/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000 đồng, Trần Văn H trực tiếp đi thu tiền gốc. Chị H đã trả: 7.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc: 3.000.000 đồng.

- **Lần 7:** Ngày 15/5/2021, chị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; T đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho T mỗi ngày là 250.000

đồng, Trần Văn H trực tiếp đi thu tiền gốc. Chị H đã trả cho T tiền gốc: 1.250.000 đồng, còn nợ tiền gốc: 8.750.000 đồng.

Như vậy, tổng cả 07 lần giao dịch với chị H, Vũ Đình T đã thu tổng tiền lãi là 14.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.534.400 đồng; thu lợi bất chính là: 12.465.600 đồng. Chị H còn nợ tiền gốc: 11.750.000 (mười một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

**4. Cho chị Hoàng Thị Đ, (sinh năm 1960, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày; T đã thu trước tiền lãi trong 25 ngày là 1.000.000 đồng, tương ứng với 292%/năm trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày}) = 68.500 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 931.500 đồng. Chị Đ đã trả hết tiền gốc.

**5. Cho chị Hoàng Thị P, (sinh năm 1984, trú tại xóm Q, xã B, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày; T đã thu trước tiền lãi trong 25 ngày là 1.000.000 đồng, tương ứng với 292%/năm trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày}) = 68.500 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 931.500 đồng. Hàng ngày Trần Văn H là người đi thu tiền gốc từ chị Phụng. Chị P đã trả hết tiền gốc.

Như vậy, thông qua 21 giao dịch dân sự T đã cho 5 người vay với tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, mức lãi suất 5.000đ/ngày tương đương 182,5%/năm, và 8.000đ/ngày tương đương với 292%/năm. Đã thu tổng số tiền lãi là: 40.000.000 đồng, trong đó thu lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.301.800 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 35.698.200 đồng (*khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm*). Những người vay còn nợ bị cáo số tiền gốc là: 16.500.000 đồng.

Ngày 20/5/2021, những người vay gồm Hồ Thị H, Cao Thị L, Hồ Thị Ngọc H, Hoàng Thị P và Hoàng Thị Đ có đơn tố cáo đến cơ quan cảnh sát điều tra đối với Vũ Đình T về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về việc thu giữ và xử lý vật chứng:

01 (một) quyển vở kẻ ngang, bìa màu xanh trắng, trên bìa có dòng chữ CAMPUS, kích thước 179x252 mm, bên trong có 10 trang giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 10. Đối với vật chứng này được chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động Nokia, màu đen, bên trong có sim số 0869.273.345 của Vũ Đình T và 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu xanh, bên trong số sim số 0965.019.804 của Trần Văn H sử dụng để trao đổi, giao dịch, ngày 29/5/2021 Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Cáo trạng số 158/CT-VKS-DC ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Vũ Đình T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ quyền công tố và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vũ Đình T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Đình T từ 12 (mười hai) đến 15

(mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; Khấu trừ thu nhập mỗi tháng từ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đến 500.000 (năm trăm ngàn) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước; Miễn hình phạt bổ sung.

Về Biện pháp tư pháp:

**\* Buộc bị cáo Vũ Đình T phải giao nộp để sung Ngân sách nhà nước những khoản sau:**

Số tiền gốc cho vay (phương tiện phạm tội) là 200.000.000 đồng, nhưng được trừ khoản nợ gốc các cá nhân vay của bị cáo chưa trả là 20.000.000 đồng. Còn phải truy thu 180.000.000 đồng.

- Số tiền lãi (=20%/năm) phát sinh từ tội phạm là 4.301.800 đồng.

**\* Buộc Vũ Đình T hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính), tổng cộng 35.698.200 đồng, gồm:**

Chị Hồ Thị H: 12.465.600 đồng; Chị Cao Thị L: 8.904.000 đồng; Chị Hồ Thị Ngọc H: 12.465.600 đồng; Chị Hoàng Thị Đ: 931.500 đồng; Chị Hoàng Thị P: 931.500 đồng.

**\* Truy thu sung quỹ Nhà nước khoản nợ gốc các cá nhân vay của bị cáo chưa trả là 20.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước, gồm:**

Chị Hồ Thị H: 8.250.000 đồng; Chị Hồ Thị Ngọc H: 11.750.000 đồng;

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội thực hiện đúng như nội dung cáo trạng truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì thêm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động “Điều tra” “Truy tố”, đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để bị cáo, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng và đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 5/2021, Vũ Đình T đã sử dụng tiền của mình cho 5 người trên địa bàn các xã T, K, B và thị trấn D, huyện Diên Châu với các mức lãi suất vượt mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, là 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất là 182,5%/năm và 8.000 đ/triệu/ngày tương đương với lãi suất

292%/năm, cao gấp 9,12 lần và 14.6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định, thu lợi bất chính số tiền 35.698.200 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Bởi vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa luôn có thái độ hợp tác khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bởi vậy cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Mặt khác phải nộp lại toàn bộ số tiền rất lớn là phương tiện phạm tội nên xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Toàn bộ số tiền gốc (200.000.000 đồng) bị cáo cho vay là phương tiện phạm tội, cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra xác định trong tổng số tiền gốc bị cáo cho vay là 200.000.000 đồng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, cần buộc bị cáo phải nộp lại là 180.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi 4.301.800 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà những người vay đã trả cho bị cáo là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, cần phải tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 35.698.200 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay.

Đối với khoản tiền gốc **20.000.000** đồng mà những người vay chưa trả cho bị cáo, cần buộc những người vay nộp lại để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) quyển vở kẻ ngang, bìa màu xanh trắng, trên bìa có dòng chữ CAMPUS, kích thước 179x252 mm, bên trong có 10 trang giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 10 (tại các bút lục từ 37 đến 41), có chữ ký của Vũ Đình T và Trần Thị K, là vật chứng cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động Nokia, màu đen, bên trong có sim số 0869.273.345 của Vũ Đình T và 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu xanh, bên trong số sim số 0965.019.804 của Trần Văn H sử dụng để trao đổi, giao dịch, ngày 29/5/2021 Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[9]. Về các vấn đề khác: Đối với Trần Văn H là người giúp sức cho Vũ Đình T trong việc thu tiền gốc, lãi trong 05 lần giao dịch với tổng số tiền thu lợi bất chính là 8.054.700 đồng, hành vi của H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Diễn châu đã giáo dục nhắc nhở là đủ.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

- Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đình T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Vũ Đình T 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/5/2021 đến 29/5/2021) là 9 ngày (bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành thời gian còn lại là 11 (mười một) tháng, 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 500.000 (năm trăm ngàn) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước tương đương với thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

**2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:** căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### **2.1. Biện pháp tư pháp:**

\* Buộc bị cáo Vũ Đình T phải nộp lại số tiền gốc 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng và khoản tiền lãi phát sinh từ hành vi cho vay lãi nặng:

4.301.000 (bốn triệu ba trăm lẻ một ngàn) đồng; Tổng cộng bị cáo Vũ Đình T phải nộp: 184.301.000 (một trăm tám mươi tư triệu ba trăm lẻ một ngàn) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

\* Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án phải nộp lại số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng còn nợ của bị cáo Vũ Đình T để nộp vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Chị Hồ Thị H phải nộp lại: 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng;

- Chị Hồ Thị Ngọc H phải nộp lại: 11.750.000 (mười một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng;

\* Buộc bị cáo Vũ Đình T hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính), tổng cộng 35.698.200 (ba lăm triệu sáu trăm chín tám ngàn hai trăm) đồng, gồm:

- Hoàn trả cho chị Hồ Thị H: 12.465.600 (mười hai triệu bốn trăm sáu lăm ngàn sáu trăm) đồng;

- Hoàn trả cho chị Cao Thị L: 8.904.000 (tám triệu chín trăm linh bốn ngàn) đồng;

- Hoàn trả cho chị Hồ Thị Ngọc H: 12.465.600 (mười hai triệu bốn trăm sáu lăm ngàn sáu trăm) đồng;

- Hoàn trả cho chị Hoàng Thị Đ: 931.500 (chín trăm ba một triệu năm trăm) đồng;

- Hoàn trả cho chị Hoàng Thị P: 931.500 (chín trăm ba một ngàn năm trăm) đồng.

**2.2. Về vật chứng:** Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) quyển vở kẻ ngang, bìa màu xanh trắng, trên bìa có dòng chữ CAMPUS, kích thước 179x252 mm, bên trong có 10 trang giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 10 (tại các bút lục từ 37 đến 41), có chữ ký của Vũ Đình T và Trần Thị K.

**3. Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Vũ Đình T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Công an huyện Diễn Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; người liên quan;
- Thị hành án HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Lưu hồ sơ

**Đoàn Thị Kiều Hương**